TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SÔNG LÔ** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/DSST
Ngày 28/9/2022
"V/v Tranh chấp kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG LÔ, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Kiên Thành

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Xuân Hùng; bà Nguyễn Thị Hà.

***- Thư ký phiên toà*:** Lê Thị Huyền - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sông Lô.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Công Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 30/2020/TLST-DS ngày 01 tháng 9 năm 2020 về việc Tranh chấp kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2022/QĐXX- ST ngày 08 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Quốc P, sinh năm 1983; địa chỉ thôn P, xã L, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt;

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1973, địa chỉ thôn P, xã L, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc; bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1959, địa chỉ thôn Đ, xã L, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc, đều vắng mặt;

- Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1952, vắng mặt;

+ Chị Lê Thị S, sinh năm 1980, vắng mặt;

+ Chị Lê Thị T sinh năm 1976, vắng mặt;

Đều cư trú: thôn P, xã L, huyện Sông Lô, Vĩnh Phúc.

+ Chị Lê Thị H, sinh năm 1982, vắng mặt;

Nơi cư trú: thôn Đ, xã L, huyện Sông Lô, Vĩnh Phúc.

+ Chị Lê Thị H, sinh năm 1978, vắng mặt;

Nơi cư trú: Tổ dân phố K, phường D, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo ủy quyền cho bà Q, chị H, chị S, chị H, chị T: anh Lê Quốc P, sinh năm 1983; địa chỉ thôn P, xã L, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

+ Chị Đinh Thị Thu H, sinh năm 1991, vắng mặt;

+ Anh Đinh Xuân T, sinh năm 1997, vắng mặt;

Đều cư trú: thôn P, xã L, huyện Sông Lô, Vĩnh Phúc

+ Chị Đinh Thị L, sinh năm 1993; địa chỉ: TDP T, thị trấn L, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt;

+ Ông Hoàng Quốc L, sinh năm 1964, vắng mặt;

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1964, vắng mặt;

+ Anh Hoàng Văn H, sinh năm 1987, vắng mặt;

+ Anh Hoàng Văn Hg, sinh năm 1991, vắng mặt;

Đều cư trú: thôn P, xã L, huyện Sông Lô, Vĩnh Phúc

+ Chị Hoàng Thị S, sinh năm 1993, địa chỉ thôn Y, xã Quang Minh, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị Tuyết C, sinh năm 1982, vắng mặt;

+ Chị Nguyễn Thị Hồng C1, sinh năm 1983, vắng mặt;

Đều cư trú: thôn P, xã L, huyện Sông Lô, Vĩnh Phúc

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11 tháng 8 năm 2020 cùng các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Lê Quốc P trình bày: Bố anh là ông Lê Văn M (chết năm 2015), mẹ anh là bà Nguyễn Thị Q. Bố mẹ anh sinh được 05 người con gồm Lê Thị T, sinh năm 1976; Lê Thị H, sinh năm 1978; Lê Thị S, sinh năm 1980; Lê Thị H, sinh năm 1982 và Lê Quốc P, sinh năm 1983. Vào khoảng những năm 1999 gia đình anh cùng gia đình ông Trung Hoạch (ông T đã chết) và gia đình ông Mậu Kỳ (ông M đã chết) cùng trú tại thôn P, xã L cùng nhau thầu chung diện tích mặt nước hồ Đồng Lảo để thả cá. Trong quá trình sử dụng thì diện tích đầu hồ tự bồi lấp, cả 03 gia đình cùng đắp thêm vào diện tích đất bồi lấp, mỗi gia đình một thửa để cấy lúa và trồng rau. Sau khi hết hạn thầu hồ thì gia đình ông Trung Hoạch và gia đình ông Mậu Kỳ không thầu chung hồ nữa, mà có gia đình anh tiếp tục thầu hồ. Khi đó ông Trung làm trưởng thôn đã chia lại diện tích đất đắp bồi ở hồ thành 03 phần bằng nhau cho 03 hộ gia đình canh tác. Do trong quá trình canh tác mỗi khi trời mưa to nước ngập cá lên ăn lúa, rau của nhà ông T nhiều lần, để tránh thiệt hại và va chạm giữa hai gia đình bố anh và ông T đã đổi ruộng cho nhau. Gia đình anh canh tác ruộng của ông T ở hồ, gia đình ông T canh tác ruộng của gia đình anh ở Đồng Gâu (Giếng Tràng) thuộc thôn P, xã L. Không biết từ khi nào ông T chia ruộng của gia đình anh cho ông L và bà V ở thôn P mỗi người một phần để canh tác. Năm 2014 và năm 2016 gia đình anh đã nạo vét lại hồ, đắp lại bờ ngăn ruộng với hồ cá không cho cá lên ăn lúa, gia đình anh có nhu cầu lấy lại thửa ruộng ở Đồng Gâu (Giếng Tràng) để canh tác. Gia đình anh làm đơn đề nghị

UBND xã giải quyết nhưng bà V không đồng ý trả phần ruộng bà V đang canh tác, phần ruộng ông L canh tác ông đã đổi cho bà D ở thôn Đ, xã L, ông Lãng đồng ý trả lại thửa ruộng đã đổi cho bà D để bà D trả lại ruộng cho gia đình anh nhưng bà D không đồng ý.

Thửa ruộng này bố anh và ông T đổi cho nhau khoảng từ năm 2003 vì năm đó anh vẫn cày cấy ở thửa ruộng đó. Việc bố anh và ông T đổi ruộng cho nhau anh không biết vì bố anh không bàn bạc gì với gia đình, sau khi bố anh chết anh mới biết có việc đổi ruộng.

Năm 2016 nhà nước đo đạc lại đất, Công ty đo đạc đã yêu cầu kê khai, anh đã kê khai lại thửa ruộng đứng tên gia đình anh không rõ lý do gì bản đồ VN 2000 thửa ruộng một phần đứng tên bà V, một phần đứng tên bà Q (mẹ đẻ anh). Nay anh đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Vân, bà D trả lại thửa ruộng 295, tờ bản đồ 12, diện tích 384m^2 tại cánh Đồng Gâu (Giếng Tràng) cho gia đình anh sử dụng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị V vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án bà trình bày: Vào năm 1997 bà sinh thêm anh Đinh Xuân T nên được ông trưởng thôn là ông Đỗ Văn T (đã chết) chia thêm 09 thước ruộng ở khu đồng Giếng Tràng cùng với gia đình ông L. Từ khi được chia ruộng bà sử dụng từ năm 1997 cho đến năm 2020 không có tranh chấp với bất kỳ ai, khi sử dụng bà đóng thuế sản đầy đủ. Năm 2019 anh Phi khởi kiện đòi ruộng của gia đình bà, bà không hiểu tại sao anh P lại đòi ruộng của gia đình bà. Sau 03 lần giải quyết ở xã, xã quyết định ruộng của ai gia đình đó canh tác, không ai tranh chấp với ai. Thửa ruộng này trước đây của hộ ông M (bố anh P, hiện nay ông M đã chết) canh tác nhưng sau đó ông M đã trả cho hợp tác xã để lấy thửa ruộng ở hồ Đồng Lảo cho tiện canh tác, nên ông T trưởng thôn đã chia thửa ruộng này cho gia đình bà chứ không có sự đổi chác như anh P trình bày. Do sơ suất nên gia đình bà chưa kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà không đồng ý trả thửa ruộng này cho anh Phi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị D vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án bà trình bày: bà có 08 thước ruộng ở bài M thuộc thôn Đ, có đổi ruộng cho ông Hoàng Quốc L ở thôn P để lấy 07 thước ruộng của ông L ở Giếng Tràng, hai gia đình thống nhất đổi cho nhau vĩnh viễn. Thửa ruộng của ông L là năm 1997 được ông T trưởng thôn chia cho ông L và bà V. Năm 2009, ông L đổi ruộng cho gia đình bà, việc đổi ruộng có lập giấy viết tay và có xác nhận của trưởng thôn Đ, trưởng thôn P và xác nhận của UBND xã Lg. Năm 2019 anh P đòi ruộng của gia đình bà là không đúng, bà có đơn gửi UBND xã giải quyết, cả 03 lần UBND xã giải quyết đều quyết định ai có ruộng canh tác như cũ. Anh P

yều cầu bà trả lại ruộng bà không đồng ý vì bà đã đổi ruộng của ông L chứ không đổi ruộng của anh Phi.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Người đại diện theo ủy quyền cho chị Lê Thị H trình bày: Chị H là chị gái của anh Phi, là con gái của ông M, bà Q, chị H được nhà nước chia đất nông nghiệp chung với cả hộ gia đình, tổng diện tích đất nông nghiệp được chia cho gia đình là 2280m^2, đến năm 2012 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó có thửa ruộng 295, tờ bản đồ 12, diện tích 384m^2 tại cánh Đồng Gâu (Giếng Tràng). Khi ở chung cùng bố mẹ chị vẫn cấy lúa trên đất nông nghiệp được chia, năm 2002 chị kết hôn và sinh sống ở Bắc Giang, từ đó đến nay chị không rõ gia đình canh tác như thế nào. Chị đồng ý như anh P trình bày. Nay chị yêu cầu bà V, bà D trả lại thửa ruộng 295, tờ bản đồ 12, diện tích 384m^2 tại cánh Đồng Gâu (Giếng Tràng) cho gia đình chị canh tác.

Người đại diện theo ủy quyền cho chị Lê Thị H trình bày: Chị H là chị gái của anh P, là con của ông M, bà Q, chị H đồng ý như anh P trình bày. Nay chị yêu cầu bà V, bà D trả lại thửa ruộng 295, tờ bản đồ 12, diện tích 384m^2 tại cánh Đồng Gâu (Giếng Tràng) cho gia đình chị canh tác.

Người đại diện theo ủy quyền cho chị Lê Thị T trình bày: Chị T là chị gái của anh P, là con gái của ông M, bà Q, chị đồng ý như anh P trình bày. Nay chị yêu cầu bà V, bà D trả lại thửa ruộng 295, tờ bản đồ 12, diện tích 384m^2 tại cánh Đồng Gâu (Giếng Tràng) cho gia đình chị canh tác.

Người đại diện theo ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Q trình bày: bà là mẹ của anh P, là vợ của ông M. Bà đồng ý như anh P trình bày. Nay bà yêu cầu bà V, bà D trả lại thửa ruộng 295, tờ bản đồ 12, diện tích 384m^2 tại cánh Đồng Gâu (Giếng Tràng) cho gia đình bà canh tác.

Người đại diện theo ủy quyền cho chị Lê Thị S trình bày: Chị S là chị gái của anh P, là con gái của ông M, bà Q, chị đồng ý như anh P trình bày. Nay chị yêu cầu bà V, bà D trả lại thửa ruộng 295, tờ bản đồ 12, diện tích 384m^2 tại cánh Đồng Gâu (Giếng Tràng) cho gia đình chị canh tác.

Ông Hoàng Quốc L vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án ông trình bày: Khoảng năm 1994 gia đình ông và gia đình bà V được ông Đỗ Văn T trưởng thôn P chia cho ông 07 thước ruộng và bà V (cụ thể bao nhiêu thước ruộng tôi không rõ) trên đầu hồ Giếng Tràng, ông sử dụng được khoảng 03 năm do lúc đó ông M thầu hồ cá lên ăn lúa nên tôi và ông M, bà V thỏa thuận đổi ruộng cho nhau (ông và bà V sử dụng ruộng của ông M ở Giếng Tràng), ông M sử dụng ruộng của gia đình ông và bà V ở hồ (việc đổi ruộng chỉ thỏa thuận bằng miệng không có giấy tờ gì), vợ ông và các con ông không biết.

Ông sử dụng đến năm 2009 ông đổi cho bà D, việc đổi ruộng cho bà D ông M không biết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/7/2021 ông L trình bày: năm 1997 ông được ông T trưởng thôn chia cho 07 thước ruộng ở cánh đồng Giếng Tràng, khi đó ông biết đây là ruộng của ông M, ông sử dụng đến năm 2009 thì đổi cho bà D, bà D canh tác 07 thước ruộng của ông M, ông sử dụng 08 thước ruộng của bà D ở Bãi Màn (khi đổi hai bên có viết giấy viết tay có xác nhận của UBND xã), việc đổi ruộng gia đình ông M biết nhưng không có ý kiến gì. Nay ông đồng ý trả lại ruộng cho bà D, đề nghị bà D trả lại ruộng cho anh P.

Chị Đinh Thị L vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án chị trình bày: chị là con gái của bà V. Bố mẹ chị sinh được 03 người con là chị Đinh Thị L, sinh năm 1993; anh Đinh Xuân T, sinh năm 1996; chị Đinh Thị Thu H, sinh năm 1991. Bố chị là Đinh Xuân T đã chết năm 2016. Năm 1993 chị được chia đất nông nghiệp cùng gia đình chị. Việc bố mẹ chị đổi ruộng với ông M như thế nào chị không rõ. Quan điểm của chị không đồng ý trả ruộng cho anh Phi.

Anh Đinh Xuân T vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh trình bày: anh là con trai của bà V. Bố mẹ anh sinh được 03 người con như chị L trình bày là đúng. Việc bố mẹ anh có đổi ruộng cho ông M bố anh P hay không anh không rõ, anh không đồng ý trả ruộng cho anh P vì gia đình anh đã canh tác từ năm 1997 cho đến nay.

Bà Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án bà trình bày: bà là vợ của ông L. Bà đồng ý nội dung như ông L trình bày, bà đồng ý trả lại ruộng cho bà D để bà D trả lại ruộng cho anh P.

Chị Nguyễn Thị Hồng C vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án chị trinh bày: chị là còn gái của bà D, diện tích đất hiện nay bà D đang sử dụng (diện tích đất anh P đang tranh chấp) là đất canh tác của bà D, khi chị kết hôn bà D đã chia ruộng cho chị, chị không có quyền lợi nghĩa vụ gì đối với thửa đất đang tranh chấp, chị đề nghị Tòa án không báo gọi chị đến làm việc.

Chị Nguyễn Thị Tuyết C vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án chị trình bày chị là con gái lớn nhất của bà D, năm 1986 bố mẹ chị ly hôn chị ở cùng bố là ông Nguyễn Thế T nên chị không được chia đất cánh tác ở thôn Đ cùng với hộ bà D. Ruộng bà D đổi cho ông Lãng là ruộng của bà D, chị không có quyền lợi nghĩa vụ gì đối với thửa ruộng của bà D, việc bà D đổi ruộng cho ông L chị có biết còn cụ thể như thế nào chị không rõ. Bà D và ông L

đổi ruộng đã nhiều năm nay chị đề nghị giữ nguyên hiện trạng như hiện nay đang sử dụng.

Chị Nguyễn Thị S vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án chị trình bày: chị là con của ông L, bà H chị không được chia ruộng theo Nghị định 64 của Chính phủ. Việc ông L, bà H đổi ruộng cho bà D như thế nào chị không biết, chị không có quyền lợi nghĩa vụ gì đối với đất cánh tác ông L, bà H đổi cho bà D.

Anh Hoàng Văn H vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh trình bày anh là con trai của ông L bà H, gia đình anh có 01 thửa ruộng ở Đồng Gâu khoảng 07 thước, thửa ruộng này được nhà nước cấp năm bao nhiêu anh không nhớ, gia đình anh canh tác một thời gian rồi đổi cho bà D, gia đình anh sử dụng ruộng của bà D ở Bãi Màn (việc đổi có giấy tở gì hay không anh không rõ vì khi đó anh còn nhỏ). Hiện nay anh không làm ruộng và cũng có quyền lợi nghĩa vụ gì liên quan đến thửa ruộng đã đổi cho bà D, vì vậy anh đề nghị Tòa án không báo gọi anh đến làm việc.

Anh Hoàng Văn H vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh trình bày anh là con trai của ông L bà H. Gia đình anh có diện tích đất nông nghiệp ở vị trí nào, mua bán trao đổi như thế nào anh không rõ vì khi đó anh còn nhỏ và anh cũng không nghe thấy bố anh kể lại gì. Anh không có quyền lợi nghĩa vụ gì liên quan đến thửa ruộng vì vậy anh đề nghị Tòa án không báo gọi anh đến làm việc.

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 08 tháng 4 năm 2022. Diện tích đo đạc hiên trạng theo sự chỉ mốc giới của nguyên đơn:

Diện tích thửa ruộng đang tranh chấp tại thửa 295, tờ bản đồ số 12 tại thôn P, xã L, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc là 392.3m^2.

Diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Lê Văn M là thửa 295, tờ bản đồ số 12 tại thôn P, xã L, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc 384m^2.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô phát biển quan điểm về việc tuân tủ các quy định tố tụng của Thẩm phán về quá trình nhận đơn, thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự; Tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án, nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô không có yêu cầu hay kiến nghị gì.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 164, 166 và Điều 190 Bộ luật dân sự; khoản 9 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 158; Điều 165; Điều 166; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166; 170; 203 Luật đất đai và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Quốc P. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị V và bà Nguyễn Thị D trả lại cho gia đình anh P thửa ruộng 295, tờ bản đồ 12, diện tích là 392.3m^2 tại thôn P, xã L, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc.

Về chi phí tố tụng: Anh P tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí dân sự sở thẩm: Do yêu cầu của anh P được chấp nhận nên bị đơn bà V, bà D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ tranh chấp: nguyên đơn anh Lê Quốc Phi khởi kiện bị đơn bà Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị D trả lại diện tích đất nông nghiệp bà V, bà D đang canh tác cho anh. Trong đơn khởi kiện anh P trình bày bố anh đổi ruộng cho ông Trung nên Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp Hợp đồng đổi đất nông nghiệp, nhưng theo tài liệu trong hồ sơ vụ án Tòa án xác định lại quan hệ tranh chấp là tranh chấp kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất, diện tích đất tọa lạc tại thôn P, xã L, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc. Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định khoản 9 Điều 26; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thời hiệu khởi kiện: Quan hệ tranh chấp kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 3 Điều 155 Bộ luật dân sự thì không áp dụng thời hiệu.

[3]. Về việc thủ tục xét xử vắng mặt: Bị đơn bà V, bà D, chị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 vắng mặt không có lý do; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Q, chị S, chị T, chị H, chị H, anh T, chị L, bà H, anh H, anh H, chị S, chị C, chị Cn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiền hành xét xử vắng mặt những người có tên trên.

[4] Về nội dung vụ án: anh Lê Quốc P khởi kiện bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị D đề nghị bà V, bà D trả lại gia đình anh diện tích đất nông nghiệp tại thửa 295, tờ bản đồ số 12 tại thôn P, xã L, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc là 392.3m^2 (diện tích theo đo đạc tại thực địa), theo bản đồ VN2000 là thửa 226,

227 tờ bản đồ 30 vì anh cho rằng thửa ruộng này là của gia đình anh đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1998 (cấp đổi lại năm 2012) đứng tên bố anh là ông Lê Văn M. Khoảng năm 2003 bố anh đổi diện tích đất này cho gia đình ông Đỗ Văn T nhưng không rõ lý do gì hiện nay bà V, bà D canh tác thửa ruộng của gia đình anh. Bị đơn bà V cho rằng thửa ruộng này năm 1997 bà sinh thêm anh T nên được ông T trưởng thôn chia cho bà, do sơ suất nên bà chưa làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên bà không đồng ý trả lại thửa ruộng cho anh Phi. Bà D cho rằng thửa ruộng này bà đổi cho ông Hoàng Quốc L, khi đổi có viết giấy viết tay và có xác nhận của trưởng thôn và UBND xã L nên bà không đồng ý trả ruộng cho gia đình anh P.

Xét yêu cầu của P thấy rằng: Thửa ruộng đang tranh chấp có diện tích 384m^2, thửa số 295, tờ bản đồ số 12 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1998 (đã cấp đổi năm 2012) đều đứng tên ông Lê Văn M (bố đẻ anh Lê Quốc P). Bà V, ông L trình bày thửa ruộng này có diện tích 384m^2, thửa số 295, tờ bản đồ số 12 được ông T trưởng thôn P chia cho bà V sử dụng 09 thước, ông L sử dụng 07 thước. Bà V sử dụng từ năm 1997 đến nay bà đóng thuế đầy đủ nhưng bà V không cung cấp tài liệu gì để chứng minh. Theo quy định tại khoản 4 Điều 3 nghị định số 64-CP, ngày 27/9/1993 của Chính phủ thì Uỷ ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh xét và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cơ sở đề nghị của Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn. Vì vậy bà V, ông L trình bày được ông T trưởng thôn P chia ruộng năm 1997 là không có căn cứ.

Mặt khác ông L trình bày khi ông đổi ruộng cho bà D ông biết thửa ruộng này là của ông M, ông đồng ý trả lại 08 thước ruộng ở Bãi Màn thôn Đt cho bà D, đề nghị bà D trả lại thửa ruộng cho gia đình anh P.

Tòa án tiến hành xác minh tại UBND xã L: thửa ruộng số 295 có diện tích 384m^2, tờ bản đồ số 12 tại cánh đồng Giếng Tràng (hay có tên gọi khác là Đồng Gâu) đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1998 đứng tên ông Lê Văn M (đã cấp đổi năm 2012); theo bản đồ 299, sổ mục kê, sổ địa chính lưu giữ tại UBND xã L thì thửa ruộng này đều đứng tên ông Lê Văn M. Từ khi ông M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa ruộng trên thì không có việc đổi ruộng, việc chia ruộng, hay chuyển nhượng mua bán như các đương sự trình bày và hiện nay trên diện tích đất đang tranh chấp đất bỏ không, không có trồng cây gì và cũng không có tài sản gì gắn liền trên diện tích đất trên.

Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của những người làm chứng bà K mẹ đẻ chị V trình bày, năm 1990 gia đình bà có thầu hồ Đồng Lảo cùng gia đình ông M bố anh P và gia đình ông T trưởng thôn P để thả cá, năm 1995 ba gia đình đắp bãi bồi ở ven hồ để cấy lúa, cấy được khoảng hai vụ thì hợp tác xã thu hồi đất

chia cho các hộ gia đình, hộ gia đình ông M sử dụng diện tích đất đắp ở hồ, trả lại diện tích đất ở Đồng Gâu (Giếng Tràng), đến năm 1997 ông T trưởng thôn chia cho bà V, ông L sử dụng từ đó cho đến nay. Bà H trình bày gia đình bà có thầu hồ chung như anh P, bà K trình bày, khi thầu gia đình bà có đắp đất bồi ở ven hồ nhưng gia đình bà không cấy lúa mà cho gia đình ông M cấy lúa. Gia đình bà thầu hồ chung được khoảng 3 năm thì không thầu nữa. Gia đình bà không đổi đất cho gia đình ông M, còn việc ông T chồng bà chia đất cho bà V, ông L như thế nào bà không rõ.

Đối với việc bà D và ông L đổi ruộng cho nhau, bà D vắng mặt không hợp tác trong quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không làm rõ được yêu cầu của bà đối với thửa ruộng đã đổi cho ông L, ông L không đề nghị giải quyết trong vụ án này. Nếu ông L, bà D yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Từ những nhận định trên căn cứ vào các Điều 164, 166 và Điều 190 Bộ luật dân sự; Điều 166, 170, 203 Luật đất đai. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Quốc P buộc bà V, bà D trả lại diện tích 392.3m^2 đất ruộng cho gia đình anh P tại thửa số 295, tờ bản đồ số 12 (Giếng Chàm) thuộc thôn P, xã L.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ cần chấp nhận.

[5]. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Do anh P tự nguyện nộp chi phí thẩm định nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị D phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, các Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 164, 166 và Điều 190 Bộ luật dân sự; Điều 166, 170, 203 Luật đất đai và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Quốc P.

Buộc bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị D trả lại thửa ruộng số 295, tờ bản đồ số 12 có diện tích 392.3m^2 (theo bản đồ VN 2000 là thửa số 226, 227) tại cánh Giếng Tràng (Đồng Gâu, theo bản đồ VN là Giếng Chàm) thuộc thôn P, xã L, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc cho gia đình anh Lê Quốc P (Diện tích thửa đất có sơ đồ chi tiết kèm theo).

Theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo qui định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị D mỗi người phải chịu 300.000 đồng. Trả lại anh Lê Quốc P 300.000 đồng anh P đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0009034 ngày 11/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã nơi cư trú của người vắng mặt./.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Sông Lô;*
- *Chi cục THADS huyện Sông Lô;*
- *UBND xã L;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Kiên Thành